

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

a) Giới thiệu về dự án:

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án CSAT Trà Vinh
- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH thương mại xây dựng Trung Kim.
- Tên dự án: Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”
- Tên gói thầu: G Gói thầu số 101: Xây dựng công trình Phước Hảo (xã Hưng Mỹ)
- Nguồn vốn: Vốn vay IFAD và ngân sách tỉnh

b) Các căn cứ:

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre” và Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”, vay vốn Quỹ Quốc tế về phát triển nông nghiệp; Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Điều chỉnh Đề xuất Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”, vay vốn IFAD;

Căn cứ Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”; Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2825/QĐ-UBND 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung điểm b khoản 10 Điều 1 Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh khoản 13 Điều 1 Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung một số khoản tại Điều 1 Quyết định 2825/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 08/07/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 4 Điều 13 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch công tác và ngân sách năm 2025 của dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-BQLDA ngày 04/11/2025 của Giám đốc Ban Quản lý dự án CSAT Trà Vinh về việc phê duyệt dự toán các gói thầu giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh” Tiểu hợp phần 2.1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng công thích ứng với biến đổi khí hậu (38 hạng mục công trình);

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-BQLDA ngày 05/11/2025 của Giám đốc Ban Quản lý dự án CSAT Trà Vinh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu hợp phần 2.1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng công thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh”;

c) Địa điểm xây dựng và hiện trạng mặt bằng:

- Địa điểm xây dựng: xã Hưng Mỹ – tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã Hưng Mỹ – tỉnh Trà Vinh)

d) Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chiều dài (m)	Quy mô xây dựng
1	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Phước Hảo	xã Phước Hảo (nay xã Hưng Mỹ)	2.067,999	- Tuyến 1, dài 988,536m; Tuyến 2, dài 1079,463m. - Đường GTNT cấp B (đường nhựa) cấp B. - 01 cầu BTCT: L=15,5m, 01 nhịp 15, Bm=5,5m (phần xe chạy 5,0m). - Cải tạo 01 cầu BTCT.

* Phần đường: Đường GTNT cấp B:

- Chiều rộng mặt đường: 3,5m;

- Chiều rộng nền đường: 5,0m;

- Mặt đường đá dăm láng nhựa,

- Kết cấu mặt đường từ trên xuống:

- + Láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn 3kg/m², dày 2,5cm.
- + Lớp đá 4x6 chèn đá dăm, dày 12cm, Eyc \geq 91Mpa.
- + Lớp CPĐĐ loại I, dày 15cm, K=0,98.
- + Cát đắp dày tối thiểu 0,5m, K \geq 0,95.

* Phần cầu: Bố trí 1 cầu

- Tải trọng : 8T.
- Chiều dài cầu: 15,5m (1 nhịp giản đơn).
- Chiều rộng toàn cầu 5,5m, trong đó:
 - + Chiều rộng phần xe chạy: 5,0m;
 - + Chiều rộng lan can: 2x0,25m.

*** Ghi chú:**

- Giá gói thầu được duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã bao gồm giá trị với mức thuế suất là 10%.

- Khi tham gia dự thầu: Nhà thầu phải áp dụng mức thuế suất là 10%.

- Việc thanh toán hợp đồng phải thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật về chính sách thuế giá trị gia tăng theo từng thời điểm áp dụng (nếu có)

2. Thời hạn hoàn thành: 210 ngày

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Nội dung yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật (Theo quy định hiện hành).

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: (Theo file đính kèm)

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
...			